TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2023/DS-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Cẩm Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Mỹ Trang**;

2. Ông **Đỗ Tài Công**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tuyết Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông **Võ Công Đức**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 18, ấp P2, xã P, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1962 và ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1958, cùng cư trú tại: Tổ 17, ấp P2, xã P, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-11-2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Do quen biết, chị có tham gia chơi các dây hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S làm chủ thảo, hiện ông S, bà V đã tuyên bố bể hụi, không trả lại tiền hụi cho chị. Bà V, ông S nợ chị tiền hụi cụ thể như sau:

1/ Hụi 1.000.000 đồng/1 tháng, mở ngày 29-12-2018 (âm lịch), chia làm 02 dây, mỗi dây gồm 17 phần, chị tham gia chơi 02 phần, đóng hụi sống được 14 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 19.410.000 đồng.

2/ Hụi 1.000.000 đồng/1 tháng, mở ngày 09-02-2019 (âm lịch), chia làm 02 dây, một dây 16 phần, một dây 25 phần phần, chị tham gia chơi 02 phần, đóng hụi sống được 12 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 15.500.000 đồng.

3/ Hụi 500.000 đồng/1 tháng, mở ngày 09-02-2019 (âm lịch), chia làm 03 dây, mỗi dây gồm gồm 22 phần, chị tham gia chơi 03 phần, đóng hụi sống được 12 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 10.540.000 đồng.

4/ Hụi 500.000 đồng/1 tháng khui hai lần, mở ngày 30-3-2019 (âm lịch), gồm 28 phần, chị tham gia chơi 01 phần, đóng hụi sống được 21 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 12.360.000 đồng.

5/ Hụi 500.000 đồng/1 tháng khui hai lần, mở ngày 20-10-2019 (âm lịch), gồm 30 phần, chia làm hai dây, chị tham gia chơi 02 phần, đóng hụi sống được 07 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 4.210.000 đồng.

Tổng số tiền hụi sống chị đã đóng hụi là 62.020.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Văn S trả số tiền góp hụi chị đã tham gia do vợ chồng bà V, ông S làm chủ thảo là 62.020.000 (sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Văn S vắng mặt, không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng

quyền, nghĩa vụ của đương sự. Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có lý do, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

+ Buộc bà V, ông S có trách nhiệm trả cho chị T số tiền hụi: 62.020.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T căn cứ vào danh sách hụi viên mà bà Nguyễn Thị Thu V lập để khởi kiện, theo đó, bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại: Tổ 17, ấp P2, xã P, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tại Công văn số: 155/CSĐT ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu về việc chuyển hồ sơ thụ lý vụ án theo thẩm quyền xác định bà V, ông S làm chủ thảo hụi, sau khi tuyên bố bể hụi vào tháng 2-2020, đã rời khỏi địa phương. Việc bà V, ông S thay đổi nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Địa chỉ cư trú cuối cùng của bà V, ông S là tại xã Phan, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà V, ông S đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ:

[2.1] Hụi tranh chấp do bà V làm chủ thảo. Tuy nhiên, bà V, ông S có mối quan hệ vợ chồng, hụi chơi từ năm 2018 đến năm 2020, sau khi bà V tuyên bố bể hụi, bà V cùng ông S đã rời khỏi địa phương, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho các hụi viên. Do đó, lời khai của chị T cho rằng tiền hụi, bà V, ông S cùng sử dụng chi phí trong gia đình, nên bà V, ông S phải có nghĩa vụ cùng trả nợ cho chị T là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, thấy rằng: Chị T khởi kiện yêu cầu bà V, ông S có nghĩa vụ cùng trả tiền nợ hụi tổng cộng là 62.020.000 đồng, chứng cứ là danh sách hụi viên của các dây hụi do bà V cung cấp, có chữ ký của bà V, bảng tính tiền hụi đóng từng tháng do chị T đã tự kết toán, có chữ ký bà V và phù hợp với lời khai của các hụi viên khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết chứng cứ đồng thời cùng với các văn bản tố tụng cho bà V, ông S nhưng bà V, ông S đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh nên bà V, ông S không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Theo chứng cứ là danh sách các dây hụi, bảng tính tiền hụi do chị T cung cấp đối với các dây hụi do bà V làm chủ thảo, xác định số tiền hụi chị T đã giao cho bà V cụ thể như sau:

+ Hụi 1.000.000 đồng/1 tháng, mở ngày 29-12-2018 (âm lịch), chia làm 02 dây, mỗi dây gồm 17 phần, chị tham gia chơi 02 phần, đóng hụi sống được 14 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 19.410.000 đồng.

+ Hụi 1.000.000 đồng/1 tháng, mở ngày 09-02-2019 (âm lịch), chia làm 02 dây, một dây 16 phần, một dây 25 phần phần, chị tham gia chơi 02 phần, đóng hụi sống được 12 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 15.500.000 đồng.

+ Hụi 500.000 đồng/1 tháng, mở ngày 09-02-2019 (âm lịch), chia làm 03 dây, mỗi dây gồm gồm 22 phần, chị tham gia chơi 03 phần, đóng hụi sống được 12 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 10.540.000 đồng.

+ Hụi 500.000 đồng/1 tháng khui hai lần, mở ngày 30-3-2019 (âm lịch), gồm 28 phần, chị tham gia chơi 01 phần, đóng hụi sống được 21 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 12.360.000 đồng.

+ Hụi 500.000 đồng/1 tháng khui hai lần, mở ngày 20-10-2019 (âm lịch), gồm 30 phần, chia làm hai dây, chị tham gia chơi 02 phần, đóng hụi sống được 07 kỳ, tổng số tiền đã đóng là 4.210.000 đồng.

Tổng số tiền hụi sống chị đã đóng hụi là 62.020.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Văn S trả số tiền góp hụi chị đã tham gia do vợ chồng bà V, ông S làm chủ thảo là 62.020.000 (sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T, cần buộc bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 62.020.000 (sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng.

[3] Ghi nhận, chị T không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T được chấp nhận: 05% x 62.020.000 đồng = 3.101.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền nợ hụi 62.020.000 (sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng.

1.2 Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu tính lãi.

1.3 *Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.101.000 (ba triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng.

2.2 Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.500 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0012828 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS H.DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Cẩm Hà